CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp

Thông tư số 25/2023/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp, có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp.[1]

---

[1] Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về số hiệu công chức, thủ tục cấp, thu hồi số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp (sau đây gọi tắt là số hiệu công chức).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1.[2] Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Chi cục Quản lý thị trường) và các tổ chức hành chính trực thuộc các cơ quan nêu trên (sau đây gọi chung là cơ quan Quản lý thị trường các cấp).

2. Công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp (sau đây gọi tắt là công chức).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Số hiệu công chức

1. Số hiệu công chức gồm hai phần: phần đầu là ký hiệu "TW" (đối với Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước[3]) hoặc mã số (đối với Chi cục Quản lý thị trường[4]); phần thứ hai gồm chữ "QLTT" và dãy số tự nhiên (gồm 03 chữ số) là số được cấp cho từng công chức; hai phần được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-). Mẫu số hiệu công chức được thể hiện tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường.

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[3] Cụm từ "cơ quan Quản lý thị trường ở trung ương" được thay thế bằng cụm từ "Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[4] Cụm từ "cơ quan Quản lý thị trường ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương" được thay thế bằng cụm từ "Chi cục Quản lý thị trường" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

2. Mỗi công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp được cấp một số hiệu công chức, số hiệu công chức đồng thời là số hiệu ghi trên biển hiệu Quản lý thị trường và là số Thẻ kiểm tra thị trường của công chức.

3. Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước[5] có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thống nhất quản lý số hiệu công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp theo quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Thủ tục cấp số hiệu công chức

1. Hồ sơ đề nghị cấp số hiệu công chức bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp số hiệu công chức của cơ quan Quản lý thị trường nơi công chức được tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, biệt phái (sau đây gọi chung là tiếp nhận);

b) 01 (một) bản sao được chứng thực quyết định tiếp nhận làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường.

2.[6] Thủ tục cấp số hiệu:

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công chức được tiếp nhận làm việc tại Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước lập hồ sơ đề nghị cấp số hiệu công chức đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày công chức được tiếp nhận làm việc tại Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục Quản lý thị trường lập hồ sơ đề nghị cấp số hiệu công chức đối với công chức của đơn vị đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước quyết định cấp số hiệu cho công chức được đề nghị.

---

[5] Cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường" được thay thế bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Thu hồi số hiệu công chức

1. Số hiệu công chức được thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Công chức chuyển sang làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường khác hoặc cơ quan, tổ chức khác;

b) Công chức nghỉ hưu, thôi việc, bị buộc thôi việc hoặc các trường hợp khác không còn làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền có quyết định hoặc văn bản xác nhận đối với công chức thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước[7] quyết định thu hồi số hiệu công chức.

3. Công chức thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này không được sử dụng số hiệu công chức kể từ ngày quyết định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực.

Điều 6. Hiệu lực thi hành[8]

---

[7] Cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường" được thay thế bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

[8] Điều 7, Điều 8 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025 quy định như sau:

"***Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp***

1. Số hiệu, biển hiệu của công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc cho đến thời điểm được Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước cấp số hiệu thay thế theo quy định tại Thông tư này.

2. Thẻ Kiểm tra thị trường được cấp cho công chức Quản lý thị trường trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà còn thời hạn hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoặc được tiếp tục sử dụng cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên Thẻ Kiểm tra thị trường trong trường hợp thời hạn hiệu lực kết thúc trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

3. Kế hoạch kiểm tra đã được ban hành, phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tiếp tục được Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các Đội Quản lý thị trường trực thuộc thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội khóa XV quy định

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2024

2. Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 56/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2018/TT-BCT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định mẫu, quy cách, chế độ cấp phát, quản lý, sử dụng số hiệu, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, trang phục của lực lượng Quản lý thị trường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

---

về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2025 thì Phòng Nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kiểm tra xem xét, quyết định theo quy định tại Thông tư này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

b) Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

c) Thông tư số 54/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.”

Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước[9], thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường các cấp, công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 37/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2025
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Sinh Nhật Tân

[9] Cụm từ "Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường" được thay thế bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

PHỤ LỤC SỐ 7[10]
MẪU SỐ HIỆU CÔNG CHỨC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Số hiệu công chức thuộc cơ quan Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước trực thuộc Bộ Công Thương: **TW-QLTT** (dãy số tự nhiên được cấp cho công chức).

Ví dụ: TW-QLTT026

2. Số hiệu công chức thuộc cơ quan Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (Mã số Chi cục Quản lý thị trường cấp tỉnh)**-QLTT** (dãy số tự nhiên được cấp cho công chức).

Ví dụ: 01-QLTT012

Mã số cơ quan Quản lý thị trường cấp tỉnh được quy định cụ thể như sau:

Mã số	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Mã số	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương
01	Thành phố Hà Nội	42	Hà Tĩnh
04	Cao Bằng	44	Quảng Trị
08	Tuyên Quang	46	Thành phố Huế
11	Điện Biên	48	Thành phố Đà Nẵng
12	Lai Châu	51	Quảng Ngãi
14	Sơn La	52	Gia Lai
15	Lào Cai	56	Khánh Hòa

[10] Phụ lục Mẫu số hiệu công chức ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BCT được thay thế bằng Phụ lục số 7 Mẫu số hiệu công chức ban hành kèm theo Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 45/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Mã số	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Mã số	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương
19	Thái Nguyên	66	Đắk Lắk
20	Lạng Sơn	68	Lâm Đồng
22	Quảng Ninh	75	Đồng Nai
24	Bắc Ninh	79	Thành phố Hồ Chí Minh
25	Phú Thọ	80	Tây Ninh
31	Thành phố Hải Phòng	82	Đồng Tháp
33	Hưng Yên	86	Vĩnh Long
37	Ninh Bình	91	An Giang
38	Thanh Hóa	92	Thành phố Cần Thơ
40	Nghệ An	96	Cà Mau